TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ PHƯỚC LONG** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **05**/2018/DS-ST
Ngày: 27-11-2018
"V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHƯỚC LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Ngọc Thảo

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đoàn Ngọc Lâm

2. Ông Hà Xuân Thuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Ý – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long tham gia phiên tòa*:** Ông Lê Đức Thọ – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 22/2018/TLST-DS ngày 05 tháng 01 năm 2018 về "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2018/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 9 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2018/QĐST-DS ngày 18 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2018/QĐST-DS ngày 05 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Ngọc T**, sinh năm 1968; (Có mặt)

Địa chỉ: Khu phố A, phường T, TX P, tỉnh Bình Phước.

Bị đơn: Ông **Trần Minh K**, sinh năm 1975; (Có mặt)

HKTT: Khu phố I, phường T, TX P, tỉnh Bình Phước.

Chổ ở hiện nay: Khu phố B, phường S, thị xã P, tỉnh Bình Phước.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Phạm Thị H**, sinh năm 1978 (Vắng mặt)

HKTT: Khu phố I, phường T, TX P, tỉnh Bình Phước.

Chổ ở hiện nay: Khu phố B, phường S, thị xã P, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04 tháng 12 năm 2017, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc T trình bày:

Ông T và ông Trần Minh K trước đây có quan hệ quen biết, ngày 31/12/2016 ông Trần Minh K mượn ông Nguyễn Ngọc T số tiền 160.000.000 (Một trăm sáu mươi triệu) đồng, hẹn đến ngày 10/01/2017 sẽ trả đủ cho ông T. Khi ông T đưa tiền cho ông K, ông K có viết giấy vay tiền, đưa cho ông T giữ để làm bằng chứng. Tuy nhiên, đến hạn trả nợ ông K không thực hiện theo thỏa thuận, ông T nhiều lần yêu cầu ông K trả nhưng ông K đều tỏ thái độ không muốn trả nợ cho ông T. Vì vậy, ông T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Minh K có trách nhiệm trả đủ 160.000.000 (Một trăm sáu mươi triệu) đồng cùng với tiền lãi phát sinh từ ngày đến hạn trả nợ (ngày 10/01/2017) cho đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất cơ bản hiện nay.

Trong đơn khởi kiện, ông T có yêu cầu đối với Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Phạm Thị H (Vợ ông Trần Minh K) phải có trách nhiệm liên đới với ông Trần Minh K trả tiền cho ông T. Tuy nhiên, thực tế ông T không rõ việc bà Phạm Thị H là có được ông K trao đổi trước khi mượn tiền ông T hay không cũng như ông K có sử dụng số tiền vay vào việc chung của gia đình hay không, nên tại phiên tòa ông T rút một phần yêu cầu khởi kiện, ông T không yêu cầu Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Bà Phạm Thị H phải có trách nhiệm liên đới với ông Trần Minh K trả tiền cho ông T nữa.

Theo trình bày của bị đơn ông Trần Minh K trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa:

Ông Trần Minh K thừa nhận chữ viết và chữ ký trong giấy vay tiền đề ngày 31/12/2016 mà ông T nộp cho Tòa án để yêu cầu ông K trả tiền đúng là chữ của ông K. Tuy nhiên, số tiền ông K thực tế nhận từ ông T chỉ là 10.000.000 (*Mười triệu*) đồng, mục đích mượn là để chơi đánh bài. Sau khi ông K chơi bài thua, không có tiền trả nên ông T yêu cầu ông K phải viết giấy tay nhận nợ ông T 160.000.000 đồng. Trước đây ông K có trình bày ông K có lưu giữ 01 clip quay lại cảnh đánh bài mà ông K cho rằng có liên quan đến vụ án, tuy nhiên đến nay ông K vẫn chưa thể cung cấp cho Hội đồng xét xử xem xét, ngoài ra ông K không có bất kỳ tài liệu chứng cứ nào khác liên quan đến vụ án này.

Đối với người làm chứng Nguyễn Mạnh Đ, ông K cho rằng ông Đ có biết rõ bản chất việc vay mượn tiền giữa ông K và ông T; ngoài ra không còn ai khác biết; tuy nhiên ông K không rõ lý do tại sao ông Đ từ chối trình bày với Tòa án nên ông K không yêu cầu Tòa án phải triệu tập ông Đ nữa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Phạm Thị H không biết và không liên quan đến việc ông K viết giấy vay tiền ông T nên trong vụ án này, ông K đề nghị Hội đồng xét xử xem xét không buộc bà H chịu trách nhiệm liên đới với ông K.

Trước yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc T, ông K không đồng ý trả số tiền 160.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo yêu cầu của nguyên đơn mà chỉ đồng ý trả số tiền 10.000.000 (Mười triệu đồng).

Theo trình bày của Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị H trong quá trình giải quyết vụ án:

Việc ông Nguyễn Minh K viết giấy vay tiền ông Nguyễn Ngọc T vào ngày 31/12/2016, bà H không được ông K trao đổi trước cũng như không được ông T báo lại mặc dù ông T biết rõ bà H là vợ ông K. Từ sau ngày 31/12/2016 đến nay, ông K chưa bao giờ mang số tiền 160.000.000 đồng về nhà để lo việc gia đình. Bà H cho rằng trong việc vay mượn giữa ông T và ông K, bà H không biết và không liên quan gì nên bà H không có trách nhiệm đối với yêu cầu khởi kiện của ông T.

Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Tuân thủ và chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Đây là vụ án *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản",* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước theo quy định tại

khoản 3 điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị H đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà H là phù hợp quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Về nội dung:

[2] Nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc T và bị đơn ông Trần Minh K đều thống nhất ý kiến là vào ngày 31/12/2016, ông K có viết giấy vay tiền ông T với số tiền vay là 160.000.000 (*Một trăm sáu mươi triệu*) đồng, thỏa thuận đến ngày 10/01/2017 ông K sẽ trả đủ số tiền trên. Bị đơn ông Trần Minh K thừa nhận chữ viết và chữ ký trong giấy vay tiền mà ông T cung cấp cho Tòa án là chữ của ông K. Sự thừa nhận của các đương sự là phù hợp với quy định pháp luật tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Xét ý kiến của nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Minh K trả số tiền 160.000.000 (*Một trăm sáu mươi triệu)* đồng là nợ gốc cùng tiền lãi phát sinh từ ngày 10/01/2017 (ngày đến hạn trả nợ) cho đến nay, Hội đồng xét xử xét thấy: Các đương sự đều thống nhất từ sau khi viết giấy vay tiền cho đến nay, ông K chưa trả cho ông T bất kỳ khoản tiền nào liên quan đến số tiền nợ 160.000.000 đồng này, ông K không đưa ra được bất kỳ tài liệu chứng cứ nào chứng minh việc ông K không nhận đủ 160.000.000 đồng từ ông T. Như vậy, yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc T về số nợ gốc 160.000.000 đồng là có cơ sở, cần được chấp nhận.

Đối với yêu cầu về tiền lãi phát sinh của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy nội dung thể hiện trong giấy vay tiền cũng như lời trình bày của các đương sự đều thống nhất đây là trường hợp vay không có lãi. Tuy nhiên đến hạn trả nợ, bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn nên yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả số tiền lãi phát sinh tương ứng với thời gian chậm trả là phù hợp với Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

Theo Quyết định số: 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam là 9%/năm, tính từ ngày đến hạn trả nợ (10/01/2017) cho đến nay là 01 năm 10 tháng 16 ngày, vậy số tiền lãi phát sinh là: 160.000.000 đồng x 9%/ năm x (1 năm 10 tháng 16 ngày) = 27.040.000 (*Hai mươi bảy triệu không trăm bốn mươi nghìn)* đồng. Tổng cộng cả

nợ gốc và lãi phát sinh là: **187.040.000** *(Một trăm T mươi bảy triệu không trăm bốn mươi nghìn)* đồng.

[4]. *Về trách nhiệm trả nợ:* Do nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc T chỉ yêu cầu một mình ông Trần Minh K trả nợ; đồng thời ông T, ông K và bà H đều thống nhất bà H không biết việc ông K vay tiền ông T cũng như không cùng ông K sử dụng số tiền vay. Vì vậy, chỉ cần buộc ông K có trách nhiệm trả nợ cho ông T là phù hợp.

[5] Đối với ý kiến của bị đơn ông Trần Minh K về số tiền vay 160.000.000 đồng này liên quan đến việc đánh bài giữa ông K và người nhà của nguyên đơn và sự việc này có sự chứng kiến của ông Nguyễn Mạnh Đ. Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án vụ án, ông K không không cung cấp được bất kỳ tài liệu chứng cứ nào chứng minh số tiền 160.000.000 (Một trăm sáu mươi triệu) đồng ông T khởi kiện liên quan đến việc chơi bài bạc, nguyên đơn cũng không thừa nhận số tiền ông K vay tiền để dùng vào việc đánh bài, đồng thời người làm chứng ông Nguyễn Mạnh Đ từ chối trình bày ý kiến cũng như cho rằng không liên quan đến việc tranh chấp này. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận ý kiến của ông K.

[6] *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Bị đơn ông Trần Minh K phải chịu theo quy định pháp luật.

[7] Ý kiến của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 92, Điều 147, khoản 2 Điều 244, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

Áp dụng điều 463, điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc ông Trần Minh K có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Ngọc T số tiền nợ gốc là 160.000.000 đồng và số tiền lãi phát sinh tạm tính từ ngày 10/01/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm (Ngày 27/11/2018) là 27.040.000 đồng. Tổng cộng là: **187.040.000** *(Một trăm T mươi bảy triệu không trăm bốn mươi nghìn)* đồng.

[2] Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Trần Minh K chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 9.352.000 *(Chín triệu ba trăm năm mươi hai nghìn)* đồng. Nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm,

hoàn lại cho ông T số tiền tạm ứng án phí 4.000.000 (*Bốn triệu*) đồng theo Biên lai thu số 005857 ngày 05/01/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

[3] Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương.

"Trường hợp Quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND thị xã Phước Long;
- THA DS TX P.Long
- Các Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Đoàn Ngọc Thảo